TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 14/2025/QĐST-DS	*C, ngày 28 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ vào Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào E bản hoà giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 212/2024/TLST-DS ngày 30/10/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*"

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong E bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập E bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị A, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Thôn 4, xã B, huyện C, tỉnh D.
- Bị đơn: Ông Phạm Văn E, sinh năm: 1953 và bà Vũ Thị G, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn 6, xã B, huyện C, tỉnh D.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Vợ chồng ông E, bà G đồng ý trả cho bà A 758.724.000đ (Bảy trăm năm mươi tám triệu bảy trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

"Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015".

- Bà A đồng ý trả cho vợ chồng ông E, bà G 02 căn cước công dân đứng tên ông Phạm Văn E, bà Vũ Thị G và 01 sổ bệnh binh đứng tên ông Phạm Văn E.

- Về án phí: Vợ chồng ông E, bà G tự nguyện chịu 17.174.000đ (Mười bảy triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, vợ chồng ông E, bà G là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, vợ chồng ông E, bà G không phải nộp án phí nêu trên. Hoàn trả cho bà Phạm Thị A 19.967.000đ (Mười chín triệu chín trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại E lai số 7295 ngày 30/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh D.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh D (2);
- VKSND tỉnh D;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Linh